TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày 18 - 9 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và ông Lê Xuân Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Phòng X Tòa nhà HHA khu đô thị TTĐ, xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Khuất Duy T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn LT, xã TML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh T*: Anh Vũ Anh T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số X ngõ Y HN, phường TH, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Phòng X Tòa nhà HHA khu đô thị TTĐ, xã TL, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hải H trình bày:

Anh Khuất Duy T là bạn của vợ chồng chị H. Năm 2021, vợ chồng chị góp vốn cùng anh T kinh doanh nhà, căn hộ để bán hoặc cho thuê lại hưởng chênh lệch. Toàn bộ

việc thuê nhà, bán nhà do anh T thực hiện còn chị góp vốn cùng anh T. Thời gian đầu, anh T thanh toán lợi nhuận cho chị ngay sau khi bán hoặc cho thuê lại được nhà hoặc căn hộ. Sau đó, anh T không rõ ràng trong việc thanh toán lợi nhuận. Chị nghi ngờ việc kinh doanh của anh T nên không chung vốn với anh T nữa. Anh T và chị cùng chốt số tiền chị góp vốn còn lại là 1.920.000.000đ (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng). Chị nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T không trả và bảo với chị là cho anh T vay lại số tiền này. Chị trao đổi với anh Đ là chồng chị và anh Đ cùng đồng ý. Ngày 17/01/2022, anh T đã viết giấy vay tiền với nội dung vay của chị số tiền 1.920.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả cuối cùng là ngày 05/3/2022. Từ đó đến ngày 26/6/2022, anh T đã trả cho chị số tiền 271 triệu đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của chồng chị (anh Nguyễn Trung Đ). Sau đó, anh T không trả nợ nữa mặc dù vợ chồng chị đã đòi nhiều lần.

Chị khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho chị số tiền gốc 1.920.000.000đ (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi mức 1%/tháng kể từ ngày 17/01/2022 cho đến khi Tòa án xét xử. Số tiền 271.000.000đồng anh T đã trả được trừ vào tổng số tiền anh T phải trả nợ cho chị.

* Tại bản trình bày và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Anh T và anh Đ là bạn. Khoảng tháng 3/2021, anh T rủ vợ chồng chị H anh Đ góp vốn kinh doanh chung. Hình thức là hai bên cùng góp vốn, cùng tìm kiếm những căn nhà có nhu cầu bán hoặc cho thuê, sau đó chỉnh trang lại rồi bán hoặc cho thuê lại lấy tiền chênh lệch. Số tiền lợi nhuận kiếm được sẽ chia theo tỉ lệ vốn góp. Tổng số lần các bên cùng góp vốn làm ăn chung khoảng 20 lần.

Cuối tháng 12/2021 đang trong thời kỳ dịch bệnh Covid – 19, anh T cần tiền góp vốn tiếp tục kinh doanh thì anh Đ chị H muốn chấm dứt việc chung vốn kinh doanh. Vợ chồng chị H yêu cầu anh T phải hoàn trả số tiền 1,8 tỷ đồng tiền góp vốn và lãi phát sinh từ việc làm ăn chung. Thời điểm đó, công việc kinh doanh không thuận lợi, tiền đầu tư chưa thu hồi được nên anh T không thể đáp ứng yêu cầu của vợ chồng chị H. Ngày 17/01/2022, vợ chồng chị H đi cùng một người khác hẹn gặp anh T. Tại buổi gặp mặt, vợ chồng chị H ép anh T phải viết giấy vay tiền có nội dung: Anh T vay chị H số tiền 1.920.000.000đ (một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất 1%/tháng. Thực tế giữa anh T và chị H không có quan hệ vay mượn tiền. Vợ chồng chị H ép anh T viết giấy vay tiền là để ghi nhận số tiền anh T đang cầm của chị H là tiền được góp vốn làm ăn, kinh doanh chung giữa hai bên. Trên thực tế, hai bên không có quan hệ vay mượn. Trong các bản tự khai làm việc với Cơ quan điều tra khi chị H có đơn tố cáo anh T lừa đảo, chị H cũng đã khai rất rõ giữa hai bên không tồn tại quan hệ vay mượn, số tiền 1,8 tỷ đồng anh T cầm của chị H là tiền góp vốn làm ăn chung. Chị H khởi kiện anh T trả tiền nợ và tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền ghi ngày 17/01/2022, anh T không đồng ý trả nợ. Đề nghị Tòa án tuyên giấy vay tiền ghi ngày 17/01/2022 là vô hiệu do giả tạo, do bị đe dọa, cưỡng ép. Còn các giao dịch khác (nếu có) sẽ thực hiện bằng vụ kiện khác.

* Anh Khuất Duy T là bị đơn trình bày: Giữa anh và chị H có quan hệ góp vốn làm ăn chung. Ngày 17/01/2022, vợ chồng chị H cùng một người là dân xã hội đến gặp anh tại một địa điểm kinh doanh của anh. Tại thời điểm ngày 17/01/2022,

anh và chị H còn một số tiền góp kinh doanh chung chưa quyết toán. Dưới áp lực của anh Đ-là công an và người đi cùng tên T2 – là dân xã hội đen, anh đã phải viết 01 giấy vay nợ cho chị H với số tiền vay là 1.920.000.000đ. Số tiền này thực tế là tiền chị H góp vốn làm ăn chung cùng anh, chứ không phải tiền anh vay của chị H.

* Anh Nguyễn Trung Đ (chồng của chị Nguyễn Thị Hải H) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Khoảng đầu năm 2021, anh T bàn với vợ chồng anh kế hoạch làm ăn kinh doanh hình thức là mua bán lướt quyền cho thuê nhà tại Hà Nội. Cụ thể, bên A thuê một căn nhà, họ đầu tư điều hoà, máy lạnh, nội thất,…và chia ra nhiều phòng nhỏ để cho khách thuê lấy lãi hàng tháng. Anh T mua lại quyền kinh doanh thuê trọ của bên A và mua lại của bên A tất cả đồ đạc bên A đã đầu tư, mua cả hợp đồng bên A cho khách thuê. Sau đó, anh T sẽ tìm người muốn mua lại quyền cho thuê căn nhà đó (bên B) và nhượng lại quyền cho thuê với giá cao hơn để hưởng chênh lệch. Anh T hứa chịu trách nhiệm tìm mối giao dịch và cam kết trong vòng 10 đến 15 ngày mỗi căn đầu tư hoàn trả lại tiền gốc và lợi nhuận. Tất cả các giao dịch góp vốn kinh doanh, vợ anh và anh T trực tiếp giao dịch chuyển tiền với nhau. Cứ sau mỗi căn anh T bán được đã gửi cho vợ chồng anh một phần tiền gốc và lãi. Anh T giữ lại một phần tiền gốc, nói là giữ lại để đầu tư vào các căn tiếp theo. Cứ như vậy, anh T đã dựng lên câu chuyện để vợ chồng anh tăng dần vốn đầu tư vào các căn hộ. Đến tháng 11/2021, tổng tiền anh T giữ của vợ chồng anh chốt lại là 1.920.000.000 đồng. Thời điểm tháng 4/2021 đến tháng 11/2021 là dịch Covid-19 bùng phát, vợ chồng anh nghi ngờ về hình thức và hoạt động kinh doanh của anh T nên muốn rút toàn bộ số tiền 1.920.000.000đ đã góp vốn. Sau rất nhiều lần anh T hứa hẹn nhưng đều không trả. Ngày 08/01/2022, vợ chồng anh đã đến khu nhà trọ tại địa chỉ số 347 Nguyễn K, Hà Nội của anh T để nói chuyện. Lúc này, anh T thừa nhận đã đầu tư vào mấy hợp đồng khách sạn nên mất kiểm soát về nguồn tiền, đáng lẽ tiền đó trả vợ chồng anh nhưng anh T sử dụng để làm việc riêng. Ngày 17/01/2022, vợ chồng anh cùng anh Phùng Mai T1 (là hàng xóm cũng là bạn của vợ chồng anh) đến khu trọ tại số 63 TQV, Hà Nội của anh T quản lý để nói chuyện về tình hình trả nợ. Tại buổi nói chuyện, anh T thừa nhận tổng số tiền còn nợ vợ chồng anh đến thời điểm ngày 17/01/2022 cả số tiền gốc và lợi nhuận của tất cả những căn đang góp chưa thanh toán là 1.920.000.000đ. Anh T hiện chưa có khả năng trả ngay vợ chồng anh số tiền trên nên đã mong muốn vay lại số tiền kèm lãi suất và hẹn ngày trả. Vợ chồng anh đồng ý nên anh T đã tự viết giấy xác nhận vay lại số tiền là 1.920.000.000đ (*một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng)* với lãi suất 1%/ tháng - có sự chứng kiến của anh Phùng Mai T1. Giấy vay tiền là do chính anh T tự nguyện viết. Theo Giấy nhận nợ này, anh T cam kết đến ngày 05/03/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ.

Sau khi anh T viết giấy vay tiền cho đến ngày 26/6/2022, anh T đã chuyển tiền nhiều lần vào số tài khoản của anh tổng số tiền là 271.000.000 đồng. Nay chị H khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ số tiền gốc và tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 07/01/2022, anh đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị H.

* Người làm chứng là anh Phùng Mai T1 trình bày: Anh là hàng xóm và là bạn của vợ chồng anh Đ. Anh là sĩ quan nghiệp vụ, công tác tại Cục Truyền thông Công an nhân dân, Bộ Công an.

Vào một ngày trong tháng 01/2022, anh cùng vợ chồng anh Đ chị H đến nhà bạn anh Đ ở trung tâm Hà Nội liên quan đến việc góp vốn làm ăn. Khi đến nơi, chỉ có một mình bạn anh Đ ở nhà. Trong buổi gặp mặt đó, anh biết bạn anh Đ tên là T. Anh ngồi nghe vợ chồng anh Đ và anh T nói chuyện về khoản tiền anh T cầm của vợ chồng anh Đ nhưng không có tiền trả ngay. Anh T đã nói muốn vay số tiền đó và tự tay viết 01 giấy vay tiền. Khi anh T viết xong, anh T và chị H cùng ký tên trong giấy vay tiền và anh có ký người làm chứng. Anh được Tòa án cho xem giấy vay tiền ghi ngày 17/01/2022, chữ ký dưới mục người làm chứng đúng là chữ ký của anh. Nội dung giấy vay tiền đúng là anh được chứng kiến anh T viết giấy vay tiền rồi đưa cho chị H. Giấy vay tiền chỉ có 01 bản. Trước khi viết giấy vay tiền, anh Đ, chị H và anh T cùng nói chuyện với nhau vui vẻ kiểu bạn bè thân quen. Sau khi anh T viết giấy vay tiền xong, vợ chồng anh Đ cùng anh T vẫn ngồi nói chuyện vui vẻ cùng nhau.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hải H giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu anh Khuất Duy T phải trả số tiền vay, nợ gốc là 1.920.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 17/01/2022 cho đến ngày xét xử. Số tiền 271.000.000đồng anh T đã trả nợ được trừ vào tổng số tiền anh T phải trả nợ cho vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ , Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải H. Buộc anh Khuất Duy T phải trả nợ cho chị H và anh Đ toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của anh chị tại phiên tòa. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hải H gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, yêu cầu anh Khuất Duy T trả nợ tiền vay, đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Anh T có địa chỉ thường trú tại Thôn LT, xã TML, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải H yêu cầu anh Khuất Duy T phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 1.920.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 17/01/2022, lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử. Số tiền 271.000.000đồng anh T đã trả nợ được trừ vào tổng số tiền anh T phải trả nợ cho vợ chồng chị. Anh T khai toàn bộ số tiền chị H khởi kiện đòi anh phải trả không phải là tiền anh vay của chị H mà là tiền vợ chồng chị H và anh Đ góp vốn làm ăn chung cùng anh. Sau đó, vợ chồng chị H anh Đ không muốn kinh doanh nữa và rút vốn nhưng lúc đó tiền anh đã đầu tư kinh doanh nên không có tiền trả cho chị H và anh Đ. Ngày 17/01/2022, vợ chồng chị H anh Đ và 1 người đi cùng là dân xã hội đến khu nhà nơi anh đang kinh doanh, ép anh phải viết giấy vay tiền. Anh đề nghị Tòa án tuyên bố Giấy vay tiền ngày 17/01/2022 vô hiệu do giả tạo. Đối với số tiền của vợ chồng chị H anh Đ đầu tư kinh doanh chung với anh sẽ giải quyết sau.

[2.1]. Đối với yêu cầu đòi tiền gốc: Chị H và anh Đ đều xác định số tiền 1.920.000.000 đồng mà chị H đầu tư kinh doanh cùng anh T là tài sản chung của vợ chồng nhưng chị H là người trực tiếp thực hiện các giao dịch chuyển tiền, góp vốn đối với anh T, nên xác định đây là tài sản chung của chị H và anh Đ.

Cả chị H và anh T đều xác nhận số tiền 1.920.000.000 đồng là tiền chị H đã góp vốn để kinh doanh cùng anh T. Tuy nhiên, quá trình kinh doanh, chị H thấy anh T thanh toán tiền góp vốn và phân chia lợi nhuận không đúng thời hạn thỏa thuận nên không muốn tiếp tục kinh doanh chung với anh T nữa và yêu cầu anh T hoàn trả số tiền chị H đã góp vốn. Sau nhiều lần anh T hứa trả nhưng không thực hiện, nên ngày 17/01/2022, vợ chồng chị H anh Đ cùng anh Phùng Mai T1 (bạn của anh Đ) gặp anh T để đòi tiền. Anh T chưa có tiền trả nên đề nghị chị H anh Đ cho anh vay lại số tiền chị H đã đầu tư cùng anh T. Chị H và anh Đ đồng ý. Các bên thỏa thuận chị H cho anh T vay số tiền 1.920.000.000 đồng (chính là số tiền chị H đã góp cùng anh T để kinh doanh trước đó), thời hạn vay đến ngày 05/3/2022, lãi suất 1%/tháng. Việc các bên thỏa thuận vay tiền có anh Phùng Mai T1 chứng kiến. Anh T viết giấy vay tiền và cùng chị H, anh Tùng ký tên dưới các mục tương ứng là Người viết giấy, Người cho vay tiền và Người làm chứng. Giấy vay tiền do chị H giữ. Sau đó, anh T đã trả làm nhiều lần cho anh Đ tổng số tiền 271.000.000đồng (đều trả bằng hình thức chuyển khoản). Tiếp sau đó, chị H đòi nhiều lần nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Chị H yêu cầu anh T phải trả cho chị tiền gốc 1.920.000.000đồng.

Xét thấy, số tiền 1.920.000.000đồng khởi nguồn là tiền chị H góp vốn kinh doanh cùng anh T. Quá trình kinh doanh, anh T thanh toán tiền góp vốn và lợi nhuận không đúng thỏa thuận nên chị H rút toàn bộ số tiền 1.920.000.000đồng, không kinh doanh chung với anh T nữa. Do anh T đã đầu tư kinh doanh nên không có tiền để hoàn trả cho chị H. Ngày 17/01/2022, vợ chồng chị H anh Đ và anh T có sự chứng kiến của anh Tùng (bạn của anh Đ) cùng thỏa thuận, chuyển số tiền 1.920.000.000đồng chị H góp vốn kinh doanh cùng anh T thành tiền anh T vay của chị H. Anh T viết giấy vay tiền và giao cho chị H giữ. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận chuyển từ tiền góp vốn sang tiền vay là quyền tự định đoạt của các bên, phù hợp qui định của pháp luật. Do đó, xác định anh T vay của chị H số tiền 1.920.000.000đồng từ ngày 17/01/2022. Đến hạn trả nợ, anh T

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên chị H khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền vay là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện nghĩa vụ, anh T đã trả cho vợ chồng chị H nhiều lần với tổng số tiền 271.000.000đồng, nên xác định số tiền mỗi lần anh T trả nợ được trừ vào tiền lãi tính đến từng thời điểm trả nợ, nếu còn thừa sẽ được trừ vào tiền gốc.

Anh T trình bày, việc anh viết giấy vay tiền ngày 17/01/2022 là bị vợ chồng chị H anh Đ và 01 người đi cùng là dân xã hội ép buộc chứ anh không tự nguyện viết. Xét thấy, người đi cùng vợ chồng chị H anh Đ vào ngày 17/01/2022 là anh Phùng Mai T1(bạn của anh Đ). Anh T1 đang công tác trong lực lượng vũ trang chứ không phải như anh T khai. Hơn nữa, Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh T bị ép phải viết giấy vay tiền nhưng anh T không cung cấp được gì. Tòa án đã triệu tập anh T để đối chất với những người có mặt tại thời điểm anh T viết giấy vay tiền nhưng anh T không đến nên lời khai của anh T là không có căn cứ.

[2.2] Về yêu đòi tiền lãi và mức lãi suất: Như đã nhận định tại mục [2.1], các bên thỏa thuận mức lãi suất vay là 1%/tháng. Căn cứ quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp quy định của pháp luật. Chị H yêu cầu anh T phải trả mức lãi suất 1%/tháng kể từ khi vay đến khi Tòa án xét xử là có căn cứ.

Cụ thể, số tiền gốc và tiền lãi, anh T đã trả cho chị H và anh Đ như sau:

Ngày 15/3/2022, anh T trả 60.000.000đồng. Tiền lãi từ ngày 17/01/2022 đến ngày 15/3/2022 (58 ngày) là: 1.920.000.000đ x 0.03% x 58 ngày = 33.408.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.920.000.000đ – (60.000.000đ – 33.408.000đ) = 1.893.408.000đ.

Ngày 20/3/2022, anh T trả 20.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 16/3/2022 đến ngày 20/3/2022 (05 ngày) là: 1.893.408.000đ x 0.03% x 05 ngày = 2.840.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.893.408.000đ – (20.000.000đ – 2.840.000đ) = 1.876.248.000đ.

Ngày 22/3/2022, anh T trả 40.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 21/3/2022 đến ngày 22/3/2022 (2 ngày) là: 1.876.248.000đ x 0.03% x 2 ngày = 1.125.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.876.248.000đ – (40.000.000đ – 1.125.000đ) = 1.837.373.000đ.

Ngày 12/4/2022, anh T trả 14.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 23/3/2022 đến ngày 12/4/2022 (21 ngày) là: 1.837.373.000đ x 0.03% x 21 ngày = 11.575.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.837.373.000đ – (14.000.000đ – 11.575.000đ) = 1.834.948.000đ.

Ngày 17/4/2022, anh T trả 9.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 13/4/2022 đến ngày 17/4/2022 (5 ngày) là: 1.834.948.000đ x 0.03% x 5 ngày = 2.752.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.834.948.000đ – (9.000.000đ – 2.752.000đ) = 1.828.700.000đ.

Ngày 27/4/2022, anh T trả 68.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 18/4/2022 đến ngày 27/4/2022 (10 ngày) là: 1.828.700.000đ x 0.03% x 10 ngày = 5.486.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.828.700.000đ – (68.000.000đ – 5.486.000đ) = 1.766.186.000đ.

Ngày 01/6/2022, anh T trả 20.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 28/4/2022 đến ngày 01/6/2022 (35 ngày) là: 1.766.186.000đ x 0.03% x 35 ngày = 18.544.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.766.186.000đ – (20.000.000đ – 18.544.000đ) = 1.764.730.000đ.

Ngày 02/6/2022, anh T trả 10.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 02/6/2022 đến ngày 02/6/2022 (01 ngày) là: 1.764.730.000đ x 0.03% x 01 ngày = 529.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.764.730.000đ - (10.000.000đ – 529.000đ) = 1.755.259.000đ.

Ngày 20/6/2022, anh T trả 15.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 03/6/2022 đến ngày 20/6/2022 (18 ngày) là: 1.755.259.000đ x 0.03% x 18 ngày = 9.478.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.755.259.000đ – (15.000.000đ – 9.478.000đ) = 1.749.737.000đ.

Ngày 26/6/2022, anh T trả 15.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 21/6/2022 đến ngày 26/6/2022 (06 ngày) là: 1.749.737.000đ x 0.03% x 06 ngày = 3.149.000đ. Tiền gốc còn lại là: 1.749.737.000đ – (15.000.000đ – 3.149.000đ) = 1.737.886.000đ.

Tiền lãi anh T phải trả cho chị H và anh Đ từ ngày 27/6/2022 đến ngày xét xử 18/9/2023 (449 ngày) là: 1.737.886.000đ x 0.03% x 449 ngày = 234.093.000đ.

Như vậy, anh T còn nợ chị H và anh Đ số tiền gốc là 1.737.886.000đ và tiền lãi là 234.093.000đ, tổng cộng 1.971.979.000đồng. Buộc anh T phải trả cho chị H và anh Đ số tiền trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hải H được chấp nhận, nên chị H không phải chịu án phí dân sự, trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Khuất Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 470; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải H đối với anh Khuất Duy T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Khuất Duy T phải trả cho chị Nguyễn Thị Hải H và anh Nguyễn Trung Đ tiền nợ gốc là: 1.737.886.000đ và tiền lãi là: 234.093.000đ, tổng cộng 1.971.979.000đ (một tỉ chín trăm bảy mốt triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí*:* Anh Khuất Duy T phải chịu 71.159.000đồng (bảy mốt triệu một trăm năm chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Hải H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0042076 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

4. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA